

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HS-PT

Ngày: 31/7/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: Ông Trần Trí Dũng

Bà Trương Thị Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Đặng Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HSST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Đặng Văn H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H1, Chí L, Ú), sinh năm 1966 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12. Con ông Đặng Văn H2 và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Đặng Thị S; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 18/7/2022, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 13 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, hiện đang chấp hành án tại Trại giam K – Cục A, Bộ C.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông Trương Văn B, sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đỗ Minh T1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt.

Trong vụ án, còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trương Văn B là chủ sà lan mang biển hiệu BL.8888 có thuê Đặng Văn H làm tạp vụ trên sà lan từ đầu năm 2014. Đến buổi trưa ngày 07/02/2016, ông B neo đậu sà lan trên tại bờ kè Sông H thuộc khu V, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, ông B giao sà lan cho H trông coi để mọi người về nghỉ Tết. Đến tối cùng ngày, H gọi điện thoại cho Đỗ Minh T1 là thợ sắt và là người quen của H đến để cắt sắt trên sà lan của ông B. Khi xem xong, H hẹn gặp T1 tại cầu C thuộc xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng gần nhà của T1. Đến ngày 09/02/2016, H điều khiển sà lan đến địa điểm như đã hẹn rồi điện thoại kêu T1 bơi xuống ra hướng dẫn H neo đậu sà lan. Khi T1 bơi xuống ra hướng dẫn H neo đậu sà lan xong thì H kêu T1 về, sau đó H điện thoại kêu anh rể là Trương Văn O cùng Trương Hoài P chạy ghe đến nơi Hoàng neo đậu sà lan. Khi O và P đến thì H nói với O, P là H được chủ sà lan giao cho H đi sửa chữa ở Trà Vinh, để cắt bỏ phần cabin và be chắn gió để thay đổi mục đích sử dụng, nên các đồ dùng trên sà lan không cần đến và H muốn cho O, P số đồ này, bao gồm: 01 giường ngủ bằng gỗ, kích thước 1,5x2m; 01 tủ thờ thần tài bằng gỗ, kích thước 70x80cm; 01 tủ chén bằng khung nhôm, cửa kiếng, kích thước 70x90cm; 01 tủ áo bằng gỗ, cửa kiếng, kích thước 1,7x0,95m; 01 cửa buồng bằng gỗ, kích thước 0,8x1,8m, 01 cửa nhà tắm bằng gỗ, kích thước 0,8x1,8m; 01 bình gas 12kg, màu đỏ; 01 bếp gas đôi, màu đen; 01 tivi Sanyo 21 inch màu xám; 01 đầu đĩa không rõ nhãn hiệu; 01 thùng đựng nước đá 150 lít, màu cam đỏ; 01 máy bộ đàm; 01 cây kèn dài 1,2m; 01 máy dầu D6 Trung Quốc; 02 cửa kéo khung sắt, có kích thước 2,2x1,7m và 1,1x1,7m; 01 tủ thờ bằng gỗ, cửa kiếng, kích thước 2x1m; 01 tủ chén bằng gỗ, cửa kiếng, kích thước 1x0,7m; 01 tủ áo bằng gỗ, cửa kiếng, kích thước 2,1x2m; 01 tủ áo bằng gỗ, cửa kiếng, kích thước 0,9x0,75x1,7m. Sau đó, H, O, P mang số tài sản trên xuống ghe để O và P đưa về nhà cất giữ.

Đến ngày 10/02/2016, H điện thoại kêu T1 đến nơi neo đậu sà lan cùng nhau tháo các máy móc, hệ thống điện, cửa sổ, nắp hầm, vĩ sắt lót khoang hầm sà lan và dùng máy biến thế hàn cắt nóc cabin. Sau đó, H và T1 lấy trộm 01 máy D9, 01 máy phát điện 5KW, 01 bình hơi màu xanh mang về nhà T1 cất giữ, chờ H tìm người bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Lần này, H trả công cho T1 600.000 đồng.

Đến ngày 11/02/2016, H tiếp tục kêu O và P đến nơi neo đậu sà lan cùng Hoàng tháo các ô cửa kính khung sắt, nắp hầm, vĩ sắt lót khoang chứa hàng mang xuống ghe vận chuyển xuống bến phà R thuộc xã A, để H bán cho Lê Văn D và Diệp Văn L1 tổng cộng 2.012 kg sắt, số tiền 5.100.000 đồng. Đến ngày 12/02/2016, D và L1 chở số sắt trên bán cho Trần Vũ P1 số tiền 5.780.000 đồng.

Đến sáng ngày 13/02/2016, H tiếp tục điện thoại cho T1 đến nơi Hoàng neo đậu sà lan tại cửa biển D2 thuộc địa phận D, tỉnh Trà Vinh. T1 mượn vỏ lãi của anh Nguyễn Thanh N chạy đến nơi neo đậu sà lan, khi đến nơi H và T1 tiếp tục lấy trộm 04 bình ắc quy Đồng Nai, 02 Dynamo 24V (máy phát điện), 02 con cóc đề, 02 con heo dầu (bơm cao áp) chuyển xuống vỏ lãi để T1 chở về nhà cất giữ.

Ngày 13/02/2016, ông Trương Văn B phát hiện mất sà lan nên đến Phòng C1 - Công an thành phố C trình báo.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/02/2016, anh Phan Văn D1 đi ghe ngang nơi đậu sà lan thì H gọi anh D1 vào và nhờ anh D1 đưa H đến đồn Biên phòng L2 – thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh T, để trình báo nội dung: Vào ngày 10/02/2016, sau khi ăn tối xong thì H ngủ thiếp đi, đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/02/2016 H tỉnh dậy và phát hiện sà lan số hiệu BL.8888 trôi dạt đến bãi bần thuộc ấp G, L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, trên sà lan bị mất nhiều tài sản. Tuy nhiên, qua công tác điều tra xác minh, thông tin H trình báo là không đúng sự thật, nhằm che giấu hành vi phạm tội của H.

Tang vật thu giữ:

Trần Vũ P1 đã giao nộp: 24 khung sắt, 02 ốp bảo vệ ống khói, 15 nắp hầm sà lan, 08 cánh cửa bằng sắt, 01 thanh sắt, 24 vĩ sắt, 01 cánh cửa kéo.

Đỗ Minh T1 đã giao nộp: 01 máy D9 đã qua sử dụng; 01 máy Dynamo 7,5 KW đã qua sử dụng; 01 bình hơi màu xanh; 04 bình ắc quy 200Ah hiệu Đồng Nai; 02 con heo dầu; 02 Dynamo 24V; 02 con cóc đề; 01 máy biến thế hàn của cơ sở T2, công suất 12KVA/6KW.

Trương Văn O, Trương Hoài P đã giao nộp: 01 giường ngủ, 01 tủ thờ thần tài bằng gỗ, 01 tủ chén khung nhôm, 01 cửa buồng ngủ, 01 cửa nhà tắm, 01 bình gas, 01 tivi, 01 đầu đĩa, 01 thùng đựng nước đá, 01 bộ đàm, 01 kèn, 01 máy dầu D6, 02 cửa kéo sắt, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 tủ chén bằng gỗ, 03 tủ áo bằng gỗ.

Kết luận định giá tài sản số 17688/KLĐG ngày 28/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố C kết luận: Tổng giá trị tài sản mà Đặng Văn H cùng đồng bọn lấy trộm có giá trị 198.451.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Minh T1 thừa nhận hành vi cùng với Đặng Văn H lấy trộm tài sản trên sà lan của ông Trương Văn B như đã nêu trên.

Đặng Văn H lúc đầu còn quanh co che giấu hành vi phạm tội, sau đó bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 07/7/2016, Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã đối với H.

Ngày 13/4/2021, Đặng Văn H tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp sà lan của anh Đặng Hữu H3 tại địa bàn tỉnh Vĩnh Long, bị Công an V bắt.

Cơ quan điều tra - Công an tỉnh V đã trưng cầu giám định dấu vân tay của Đặng Văn H (Đối tượng tự khai tên Nguyễn Văn H1, Chí L, Ú), đối chiếu với chỉ bản số 365462761 trích lục từ tàng thư CMND của Đặng Văn H.

Kết luận giám định số 202/KLGD-PC09 ngày 20/4/2021 của Phòng C1 - Công an tỉnh V: Dấu vân tay in trên chỉ bản ghi họ tên Nguyễn Văn H1 nơi cư trú: không nơi ở nhất định, lập ngày 15/4/2021, tại Phòng C1 - Công an tỉnh V với dấu vân tay in trên chỉ bản số 365462761 ghi họ tên Đặng Văn H, sinh năm 1966, nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 18/5/2000 là dấu vân tay của cùng một người.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 553/KL-VPYTW ngày 25/10/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B1, đối với Đặng Văn H: Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay đương sự không có bệnh tâm thần. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Hành vi của Đỗ Minh T1 đã được xét xử xong theo Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trương Văn O, Trương Hoài P, Diệp Văn L1, Lê Văn D khai nhận khi mua và vận chuyển sắt trên sà lan đều không biết tài sản do H trộm cắp mà có, ngoài ra không còn chứng cứ khác. Do đó, không đủ cơ sở xử lý O và P vai trò đồng phạm về hành vi Trộm cắp tài sản và Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và cũng không đủ cơ sở xử lý L1, D tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản mà H và T1 lấy trộm trên sà lan, ông Trương Văn B đã nhận xong. Riêng đối với máy chế biến Thành Ký, là công cụ bị cáo sử dụng cắt sắt trên sà lan, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã xử lý xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2017/HSST ngày 22/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Ông B yêu cầu bồi thường tiền chi phí sửa chữa khắc phục, mua sắm lại các đồ dùng sinh hoạt, máy móc trang thiết bị trên sà lan và chi phí tổn thất trong thời gian sà lan không hoạt động. Tổng cộng các khoản với số tiền 600.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự số 75/2023/HS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt: bị cáo Đặng Văn H 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 474/HSPT ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (xử phạt bị cáo 13 năm tù về tội Trộm cắp tài sản), bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành phạt tù được tính từ ngày 15/4/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 25/5/2023 bị cáo Đặng Văn H kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo, cho rằng bản thân bị oan, không đồng ý với Bản án sơ thẩm đã tuyên. Người nhà của bị cáo có cung cấp thêm Bằng Tổ quốc ghi công đối với Liệt sĩ Đặng Văn S1 và Huy chương kháng chiến hạng Nhất của bà Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm, người nhà bị cáo có nộp bổ sung các giấy tờ chứng minh gia đình bị cáo có công với Cách mạng, tuy nhiên, bị cáo có thái độ quanh co, chối tội, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Tiền trình tố tụng, bị cáo Đặng Văn H không thừa nhận hành vi phạm tội, không đồng ý với nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, qua đối chiếu với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được như biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, kết luận giám định cũng như lời khai của Đỗ Minh T1, bị hại ông Trương Văn B, bà Đặng Thị S (là vợ của bị cáo) và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 09 đến ngày 13/02/2016, bị cáo Đặng Văn H và Đỗ Minh T1 đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút tháo dỡ các trang thiết bị, máy móc trên sà lan của bị hại ông Trương Văn B để bán lấy tiền chia nhau tiêu sài.

Theo Kết luận định giá tài sản số 17688/KLĐG ngày 28/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố C kết luận: Tổng giá trị tài sản mà Đặng Văn H cùng đồng bọn lấy trộm có giá trị 198.451.000 đồng.

Với hành vi nêu trên và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Sau khi tuyên án sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng bản án đã xét xử là đúng người nhưng không đúng tội. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng bản thân không phạm tội, cấp sơ thẩm xử oan cho bị cáo.

Xét thấy, từ giai đoạn điều tra đến phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, bị cáo khai báo quanh co, chối tội, không thừa nhận về nhân thân lý lịch của mình mặc dù đã có biên bản nhận dạng, đối chiếu dấu vân tay... cho rằng bản thân không nhớ, không biết các sự việc diễn ra. Ngày 18/7/2023, bị cáo có Tờ tường trình với nội dung cho rằng do *“bị người khác khống chế, ép buộc tìm người tháo dỡ trang thiết bị trên sà lan, sau đó thì bị đánh ngất xỉu”*. Tuy nhiên, quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã đủ cơ sở chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, việc bị cáo cho rằng bản thân bị oan và nại ra nhiều lý do khác nhau chỉ nhằm mục đích chối bỏ trách nhiệm. Bên cạnh đó, lần lượt ông Đỗ Minh T1, Trương Văn B, Diệp Văn L1, Lê Văn D, Trương Văn O, Trương Hoài P đều có lời khai làm rõ hành vi của bị cáo mặc dù cả bị cáo và những người nêu trên không có mâu thuẫn gì. Do đó, việc bị cáo cho rằng bản thân bị oan là không có cơ sở.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác mà bị cáo vẫn bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Chưa kể sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo còn bỏ trốn, nhằm né tránh chế tài của pháp luật và tiếp tục phạm tội mới. Những hành động trên chứng tỏ việc bị cáo rất xem thường pháp luật nên cần thiết áp dụng một mức án nghiêm đối với bị cáo mới đảm bảo được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo theo đúng quy định. Tại giai đoạn phúc thẩm, gia đình bị cáo có bổ sung thêm bằng Tổ quốc ghi công của Liệt sĩ Đặng Văn S1 (là anh ruột của bị cáo) và Huy chương kháng chiến hạng Nhất của bà Nguyễn Thị T (là mẹ ruột của bị cáo) nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đặng Văn H** (tên gọi khác: *Nguyễn Văn H1, C, Ú*).

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2023/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có điều chỉnh thêm điều luật).

2. Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 138; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 474/HSPT ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (xử phạt bị cáo 13 năm tù về tội Trộm cắp tài sản), bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành phạt tù được tính từ ngày 15/4/2021.

3. Căn cứ: khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng Q. Ninh Kiều;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thanh Quốc

